

CÁC BỘ**BỘ NỘI VỤ****BỘ NỘI VỤ**

Số: 51/2005/QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Thủy lợi Việt Nam****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 quy định quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Thủy lợi Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ của Hội Thủy lợi Việt Nam đã được Đại hội đại biểu của Hội thông qua ngày 14/01/2005.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Thủy lợi Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Thứ trưởng

Đặng Quốc Tiến

ĐIỀU LỆ HỘI THỦY LỢI VIỆT NAM

Chương I

TÊN HỘI - TÔN CHỈ - MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên Hội:

Hội có tên là: Hội Thủy lợi Việt Nam.

Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Water Resources Development Association, viết tắt là VIWARDA.

Biểu trưng của Hội:



Hội Thủy lợi Việt Nam là một tổ chức xã hội nghề nghiệp của các tập thể, các cá nhân làm công tác quản lý, tư vấn, nghiên cứu khoa học, đào tạo, xây dựng, khai thác vận hành hệ thống công trình, sản xuất kinh doanh, dịch vụ vật tư thiết bị thuộc chuyên ngành thủy lợi - thủy điện và là thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và tài khoản tại Ngân hàng.

Trụ sở chính đặt tại Hà Nội. Tùy theo nhu cầu và điều kiện phát triển, Hội có thể lập Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, tại thành phố Đà Nẵng khi được Ủy ban nhân dân thành

phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng chấp thuận.

Điều 2. Tôn chỉ - mục đích:

Hội Thủy lợi Việt Nam tập hợp rộng rãi các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi - thủy điện, không phân biệt nam nữ, dân tộc, tôn giáo, chính kiến nhằm trao đổi kinh nghiệm, cập nhật thông tin, nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần giải quyết những yêu cầu về xây dựng và quản lý khai thác công trình thủy lợi - thủy điện ở Việt Nam phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 3. Hội Thủy lợi Việt Nam hoạt động theo Điều lệ của Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ luật pháp nước CHXHCN Việt Nam, được sự bảo trợ và quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 4. Hội Thủy lợi Việt Nam có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà

nước về khoa học và công nghệ cho hội viên.

2. Tổ chức hội nghị, hội thảo, cung cấp thông tin, trao đổi kinh nghiệm, phổ biến kiến thức về khoa học, công nghệ, về sản xuất kinh doanh cho hội viên, các cộng đồng dân cư và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi - thủy điện, khai thác tài nguyên nước.

3. Tư vấn, phản biện, giám định về khoa học, công nghệ và tính toán kinh tế đối với các dự án phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai; đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi - thủy điện, quản lý khai thác và sử dụng tổng hợp tài nguyên nước, bảo vệ môi trường nước của Nhà nước và các thành phần kinh tế khác khi được yêu cầu hoặc tự đề xuất khi thấy cần thiết.

4. Tham gia nghiên cứu, tư vấn, phản biện, góp ý vào việc hoạch định các chủ trương, chính sách cơ chế và chiến lược về quản lý thống nhất, tổng hợp tài nguyên nước.

5. Ứng dụng vào sản xuất các tiến bộ khoa học, công nghệ về thủy lợi - thủy điện, về khai thác tài nguyên nước phục vụ các nhu cầu phát triển dân sinh, kinh tế, an ninh - quốc phòng.

6. Đẩy mạnh công tác giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng về khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực thủy lợi - thủy điện, quản lý khai thác và sử dụng tổng hợp tài nguyên nước, bảo vệ môi trường nước

nhằm giúp đỡ, khuyến khích hội viên nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề, phát huy sáng tạo, góp phần đào tạo và bồi dưỡng tài năng cho đất nước.

7. Thực hiện hợp tác với các cơ quan, các tổ chức trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực chuyên môn thủy lợi - thủy điện, khai thác tổng hợp tài nguyên nước, bảo vệ môi trường nước theo quy định của pháp luật.

8. Xuất bản tạp chí và các ấn phẩm phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

9. Giúp đỡ, động viên hội viên tham gia vào các hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến thủy lợi - thủy điện.

10. Xây dựng tổ chức Hội đoàn kết vững mạnh. Quản lý hội viên, tài sản, kinh phí theo quy định của pháp luật.

11. Đại diện và bảo vệ các lợi ích hợp pháp của hội viên.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 5. Hội viên của Hội Thủy lợi Việt Nam:

Các tổ chức pháp nhân của Việt Nam (hội viên tập thể), các công dân Việt Nam (hội viên cá nhân) hoạt động trong ngành thủy lợi - thủy điện, quản lý khai thác tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước hoặc có liên quan tán thành

điều lệ và tự nguyện xin gia nhập Hội đều có thể trở thành hội viên của Hội. Việc kết nạp hội viên do Ban Thường vụ Hội quyết định.

Các hình thức hội viên:

- *Hội viên tập thể* là những doanh nghiệp; tổ chức kinh tế, khoa học kỹ thuật, đào tạo hoạt động trong ngành thủy lợi - thủy điện, quản lý khai thác tài nguyên nước, bảo vệ môi trường nước và ngành có liên quan, do giám đốc hoặc người được ủy quyền của tổ chức đó làm đại diện.

- *Hội viên cá nhân* là những người tự nguyện, có hiểu biết và hoạt động trong ngành thủy lợi - thủy điện, quản lý khai thác tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước, có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội, không phân biệt đang công tác hay đã nghỉ hưu.

- *Hội viên danh dự* là những người có uy tín cao, có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động của Hội, có khả năng đóng góp nhiều cho Hội được Hội mời làm hội viên danh dự.

- *Hội viên tán trợ và hội viên liên kết* là các tổ chức, cá nhân, cơ quan nghiên cứu khoa học, các tổ chức kinh tế khác, hợp tác hỗ trợ Hội bằng các hoạt động phù hợp với Điều lệ của Hội và quy định của pháp luật.

Hội viên của các Hội khác nếu tự nguyện và tán thành Điều lệ Hội Thủy lợi Việt Nam, có đơn xin gia nhập Hội sẽ

được Ban Thường vụ Hội xem xét quyết định là hội viên của Hội Thủy lợi Việt Nam.

Điều 6. Nhiệm vụ của hội viên:

1. Nghiêm chỉnh thực hiện mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

2. Chấp hành Điều lệ, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Hội; tuyên truyền phát triển hội viên mới, đóng góp xây dựng Hội phát triển không ngừng.

3. Tham gia đều đặn các hoạt động của Hội, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ của hội viên, phát huy vai trò của hội viên.

4. Đóng hội phí đầy đủ.

5. Khi có nguyện vọng muốn ra khỏi Hội, hội viên phải có đơn gửi Ban Thường vụ Hội để Ban Thường vụ Hội xem xét chuẩn y.

Điều 7. Quyền lợi của hội viên.

1. Được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức như phổ biến kinh nghiệm sản xuất kinh doanh; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ khoa học công nghệ, quản lý. Được cung cấp thông tin, tài liệu; dự hội thảo, các lớp đào tạo, huấn luyện, trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; tham quan, khảo sát ở trong nước và nước ngoài do Hội tổ chức.

2. Được Hội bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong tổ chức sản xuất kinh doanh, tiêu

thụ sản phẩm; được Hội giúp đỡ, bảo trợ trong các công trình nghiên cứu, thử nghiệm, sáng kiến phát minh trong lĩnh vực thủy lợi - thủy điện, tài nguyên nước và môi trường nước.

3. Được thảo luận, biểu quyết, chất vấn, phê bình mọi công việc của Hội; được ứng cử, đề cử vào Ban Chấp hành của Hội. Hội viên tán trợ và hội viên liên kết không tham gia biểu quyết và ứng cử, đề cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội.

4. Được cấp thẻ hội viên.

5. Được tham gia các Hội khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG HỘI

Điều 8. Nguyên tắc chung:

Tổ chức và hoạt động của Hội theo nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Cơ cấu tổ chức của Hội Thủy lợi Việt Nam gồm:

- Đại hội đại biểu toàn quốc,
- Ban Chấp hành Hội,
- Ban Thường vụ Hội,
- Ban Kiểm tra Hội,
- Chủ tịch Hội,

- Các Phó Chủ tịch Hội,
- Tổng Thư ký,
- Các ủy viên Ban Chấp hành.
- Văn phòng Hội và các ban chuyên môn,
- Các tổ chức trực thuộc Hội,
- Các chi hội và phân hội thuộc Hội,
- Các Hội Thủy lợi ở các địa phương tham gia làm thành viên của Hội.

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc.

Đại hội bất thường được triệu tập khi có hơn 1/2 số Ủy viên Ban Chấp hành yêu cầu.

Điều 9. Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Thủy lợi Việt Nam:

1. Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Thủy lợi Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Hội. Đại hội họp 5 năm một lần.

2. Nhiệm vụ của Đại hội:

- Thảo luận báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và quyết định phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của Hội.

- Thông qua hoặc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

- Bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội. Số lượng Ủy viên BCH do Đại hội nhiệm kỳ quyết định.

Đại hội bất thường được triệu tập khi

có hơn 1/2 số Ủy viên Ban Chấp hành yêu cầu.

Điều 10. Ban Chấp hành Trung ương Hội:

Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 2 kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp mỗi năm 1 lần.

Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, và một số Ủy viên BCH.

Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành TW Hội quyết định, không quá 1/3 số Ủy viên BCH.

- Quyết định các biện pháp thực hiện nghị quyết, chương trình hoạt động trong nhiệm kỳ do Đại hội đại biểu toàn quốc đề ra.

- Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm và thông báo kết quả hoạt động của Ban Chấp hành cho các đơn vị trực thuộc.

- Bầu và bãi miễn các chức danh lãnh đạo của Hội gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Ủy viên Thường vụ.

- Bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, nhưng không quá 1/3 số Ủy viên BCH do Đại hội bầu ra.

- Bầu Ban Kiểm tra Hội.

- Xem xét và quyết định kỷ luật Ủy viên Ban Chấp hành TW Hội.

- Chuẩn bị nội dung chương trình nghị sự và tài liệu trình Đại hội đại biểu lần sau.

- Quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc nhiệm kỳ hoặc Đại hội đại biểu bất thường.

- Quy định hội phí.

Điều 11. Ban Thường vụ Trung ương Hội:

1. Thay mặt BCH điều hành hoạt động của Hội giữa 2 kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ họp thường kỳ 3 tháng 1 lần.

2. Ban Thường vụ có các nhiệm vụ sau:

- Báo cáo công tác trong các kỳ họp Ban Chấp hành.

- Quyết định thành lập các Ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hội và nhân sự chủ chốt.

- Quyết định tổ chức các Hội nghị khoa học lớn trong nước và quốc tế theo luật định.

- Quyết định các kế hoạch công tác, chương trình hoạt động của các Ban và các tổ chức trực thuộc Trung ương Hội.

- Quyết định gia nhập các tổ chức quốc

tế và khu vực theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo kiểm điểm công tác trước Ban Chấp hành về hoạt động của Ban Thường vụ Hội.

- Quyết định cử cán bộ đi dự các hội nghị quan trọng trong nước, quốc tế và đi công tác nước ngoài có liên quan đến ngành thủy lợi - thủy điện, quản lý khai thác tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước theo quy định của Nhà nước.

- Quyết định các vấn đề thi đua, khen thưởng và kỷ luật thuộc thẩm quyền của Hội.

- Quyết định kết nạp hội viên mới.

Điều 12. Ban Kiểm tra Hội:

Ban Kiểm tra TW Hội có nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành Điều lệ của Hội, thực hiện các nghị quyết của Đại hội và của Ban chấp hành TW Hội; giải quyết thư khiếu tố có liên quan đến hội viên và các tổ chức của Hội.

Điều 13. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký:

1. Chủ tịch Hội có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật.

- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của

Đại hội, của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ TW Hội.

- Chủ trì cuộc họp của Ban Chấp hành TW Hội, Ban Thường vụ Hội.

- Bổ nhiệm nhân sự Văn phòng TW Hội và các tổ chức khác do Hội thành lập.

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và trước pháp luật về các hoạt động của Hội.

2. Các Phó Chủ tịch giúp việc Chủ tịch, được Chủ tịch phân công giải quyết từng vấn đề cụ thể và được ủy quyền điều hành công việc của Ban Chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

3. Tổng Thư ký là người điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Văn phòng TW Hội; chuẩn bị nội dung các kỳ sinh hoạt của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ; định kỳ báo cáo cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ về các hoạt động của Hội; lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của BCH TW Hội; quản lý và sử dụng tài sản và tài chính của Hội theo quy chế của Hội và theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về các hoạt động của Văn phòng Trung ương Hội trước Ban Chấp hành và trước pháp luật.

- Phó Tổng Thư ký giúp việc Tổng Thư ký và được Tổng Thư ký phân công từng việc cụ thể, được ủy quyền thay cho Tổng Thư ký khi vắng mặt.

Điều 14. Văn phòng TW Hội, các Ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc TW Hội:

- Văn phòng TW Hội được tổ chức và hoạt động theo quy chế do Tổng Thư ký trình Ban Thường vụ phê duyệt.

- Các Ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc TW Hội do Ban Thường vụ TW Hội quyết định.

- Các Ban chuyên môn có nhiệm vụ đề xuất tham mưu cho Ban Thường vụ TW Hội về hoạt động của Hội trong lĩnh vực của mình phụ trách.

Hội Thủy lợi Việt Nam khi cần và có nhu cầu thì thành lập các tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, dịch vụ khoa học kỹ thuật và sản xuất kinh doanh trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

- Văn phòng TW Hội có nhiệm vụ phối hợp hoạt động của Hội, của các Ban chuyên môn và các tổ chức khác của Hội dưới sự chỉ đạo của Thường vụ TW Hội.

Điều 15. Hội Thủy lợi ở các địa phương

Các Hội Thủy lợi ở các địa phương do UBND tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW quyết định thành lập. Các Hội Thủy lợi địa phương tham gia làm thành viên tự nguyện của Hội Thủy lợi Việt Nam có Điều lệ, quy chế của mình nhưng không trái với Điều lệ, Quy chế của Hội Thủy lợi Việt Nam.

Hội Thủy lợi Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và hỗ trợ các Hội thành viên ở các địa phương hoạt động.

Chương V

TÀI CHÍNH - TÀI SẢN

Điều 16. Hội có tài chính riêng được quản lý và sử dụng theo quy chế của Hội và quy định của pháp luật.

1. Nguồn thu gồm:

- Hội phí do hội viên đóng góp 1 lần trong năm của các hội viên cá nhân, hội viên tập thể theo quy định của Ban Chấp hành TW Hội.

- Tiền tài trợ của các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Kết quả hoạt động hợp pháp của các tổ chức, cơ quan trực thuộc Hội.

2. Phần chi gồm:

- Chi cho các hoạt động của các đơn vị trực thuộc Hội. Trả lương, phụ cấp cho cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm.

- Đóng hội phí cho các tổ chức trong và ngoài nước mà Hội Thủy lợi Việt Nam là thành viên.

- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của Hội.

- Chi khen thưởng và các tài trợ khác.

3. Tài sản, tài chính của Hội khi sáp nhập, chia tách, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 17. Hội viên tập thể, hội viên cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Hội; có những công trình nghiên cứu khoa học - công nghệ, kinh tế, quản lý, sáng kiến cải tiến; có thành tích trong công tác đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu, tuyên truyền phổ biến kiến thức, thông tin có liên quan đến chuyên ngành sẽ được Hội khen thưởng và đề nghị Chính phủ, Nhà nước khen thưởng.

Điều 18. Hội viên tập thể, hội viên cá

nhân hoạt động trái với Điều lệ của Hội, làm tổn thương đến danh dự và uy tín của Hội phải chịu kỷ luật. Hình thức kỷ luật do Ban Thường vụ xem xét quyết định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19.

- Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Thủy lợi Việt Nam mới có quyền đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

- Bản Điều lệ này gồm 7 chương, 19 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Thủy lợi Việt Nam thông qua ngày 14/01/2005 và có hiệu lực theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt./.